



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành  
viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

53/GP-UBCK	ngày 10 tháng 2 năm 2014
15/GPĐC-UBCK	ngày 14 tháng 7 năm 2015
47/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Trần Đình Quân	Chủ tịch
Ông Takashi Fujii	Thành viên
Ông Seigo Fujimaru	Thành viên
Ông Trần Châu Danh	Thành viên
Ông Tomohiko Asano	Thành viên

(đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)

**Tổng Giám đốc**

Ông Trần Châu Danh

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Trần Châu Danh

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi  
Phường 11, Quận Phú Nhuận  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

12  
HI  
NG  
K  
PH

## **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi Chủ sở hữu  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi  
Life Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

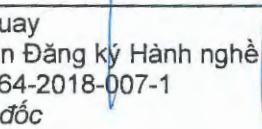
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00199-21-1



  
Chong Kwang Puay  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0864-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B01a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>31/12/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>133.985.490.302</b>	<b>116.790.861.996</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.431.253.580</b>	<b>1.265.723.860</b>
Tiền	111		1.428.450.840	1.265.723.860
Các khoản tương đương tiền	112		1.002.802.740	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>112.500.000.000</b>	<b>97.200.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	112.500.000.000	97.200.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.438.161.706</b>	<b>17.274.363.616</b>
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	14.909.325.679	12.108.853.061
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	3.528.836.027	5.165.510.555
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>616.075.016</b>	<b>1.050.774.520</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	616.075.016	1.050.774.520
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>6.349.484.504</b>	<b>6.132.286.964</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>883.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	883.000.000	5.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>968.360.793</b>	<b>1.577.010.878</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	715.102.782	894.736.677
Nguyên giá	222		2.259.752.000	2.259.752.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.544.649.218)	(1.365.015.323)
Tài sản cố định vô hình	227	10	253.258.011	682.274.201
Nguyên giá	228		4.558.108.148	4.558.108.148
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.304.850.137)	(3.875.833.947)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.801.688.432</b>	<b>3.801.688.432</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.801.688.432	3.801.688.432
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>696.435.279</b>	<b>748.587.654</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	393.742.715	536.407.099
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	302.692.564	212.180.555
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>140.334.974.806</b>	<b>122.923.148.960</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B01a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>31/12/2020 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.657.329.227</b>	<b>8.175.137.304</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.859.829.227</b>	<b>7.450.137.260</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.721.352.409	1.848.811.744
Phải trả người lao động	315		-	213.449
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	3.134.396.818	5.106.105.730
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.080.000	495.006.337
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>797.500.000</b>	<b>725.000.044</b>
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	15	797.500.000	725.000.044
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>133.677.645.579</b>	<b>114.748.011.656</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>133.677.645.579</b>	<b>114.748.011.656</b>
Vốn góp	411	17	25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.500.000.000	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		103.677.645.579	84.748.011.656
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>140.334.974.806</b>	<b>122.923.148.960</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**


**Mẫu B01a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>31/12/2020 VND</b>
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	19	843.355.186.156	218.798.440.029
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		843.355.186.156	218.798.440.029
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20	29.374.891.713.062	26.418.464.233.521
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		29.374.891.713.062	26.418.464.233.521
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	21	3.957.895.485	489.315.000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22	28.487.846.488	17.097.149.127

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán tổng hợp  
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

11-6  
IA  
M  
110



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B02a – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>37.007.526.397</b>	<b>27.244.000.811</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.282.520.245	2.865.318.199
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	16.459.223.914	15.000.544.670
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>23.830.822.728</b>	<b>15.108.774.340</b>
Chi phí khác	32		194	55.149.881
<b>Lỗ khác (40 = - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(194)</b>	<b>(55.149.881)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>23.830.822.534</b>	<b>15.053.624.459</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.991.700.620	3.163.530.943
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	26	(90.512.009)	(43.534.538)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>18.929.633.923</b>	<b>11.933.628.054</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



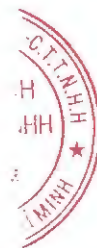
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán tổng hợp  
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.830.822.534	15.053.624.459
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	608.650.085	694.488.127
Các khoản dự phòng	03	72.499.956	72.500.022
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.282.520.245)	(2.865.318.199)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	<b>21.229.452.330</b>	<b>12.955.294.409</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(4.878.644.701)	(3.525.639.069)
Giảm các khoản phải trả	11	(2.482.008.653)	(2.271.198.398)
Giảm chi phí trả trước	12	577.363.888	707.791.379
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.100.000.000)	(2.642.553.471)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.346.162.864</b>	<b>5.223.694.850</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(86.000.000.000)	(60.500.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	70.700.000.000	52.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.119.366.856	3.999.049.572
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.180.633.144)</b>	<b>(4.500.950.428)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>	<b>1.165.529.720</b>	<b>722.744.422</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.265.723.860</b>	<b>1.394.169.792</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>2.431.253.580</b>	<b>2.116.914.214</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
*Kế toán tổng hợp  
 kiêm Kế toán trưởng*



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
*Kế toán trưởng*



Người duyệt:

  
 Ông Trần Châu Danh  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018. Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 50 năm.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 25.000 triệu VND.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

**(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Tổng số nhân viên của Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2020: 18 nhân viên) trong đó có 15 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2020: 15 nhân viên).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Hình thức sổ kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký số cái.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 4 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 146”), công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2021/002 ngày 18 tháng 1 năm 2021.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	<b>Số trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(o) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

**(t) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.343.539.387	1.180.869.560
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.911.453	84.854.300
<i>Các khoản tương đương tiền</i>		
▪ Các khoản tương đương tiền	1.002.802.740	-
	<b>2.431.253.580</b>	<b>1.265.723.860</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 3,4%.

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	62.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt	24.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	19.000.000.000	19.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.500.000.000	33.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	-	40.700.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	4.500.000.000
	<b>112.500.000.000</b>	<b>97.200.000.000</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,1% đến 6,6% (31/12/2020: từ 5,3% đến 7,95%/năm).



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	14.692.854.993	11.983.028.402
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) (ii)	170.079.283	125.824.659
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) (iii)	46.391.403	-
	14.909.325.679	12.108.853.061

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (iii) Khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	2.320.017.096	5.156.863.707
Tạm ứng cho người lao động (i)	1.176.000.000	-
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác (ii)	32.818.931	8.646.848
	3.528.836.027	5.165.510.555

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 294.000.000 VND và có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới 12 tháng là 882.000.000 VND.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới ba tháng là 24.818.931 VND (31/12/2020: 646.848 VND).

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho người lao động	878.000.000	-
Cầm cố, ký cược và phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	883.000.000	5.000.000
	883.000.000	5.000.000

**8. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí bảo trì phần mềm	348.909.534	751.344.422
Phí truy cập dữ liệu	47.025.000	103.455.000
Chi phí khác	220.140.482	195.975.098
	616.075.016	1.050.774.520
	616.075.016	1.050.774.520

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	152.665.977	383.741.122	536.407.099
Tăng trong kỳ	4.681.600	33.660.000	38.341.600
Phân bổ trong kỳ	(68.567.302)	(112.438.682)	(181.005.984)
	88.780.275	304.962.440	393.742.715
	88.780.275	304.962.440	393.742.715

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Chi phí nâng cấp văn phòng VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	228.519.500	2.031.232.500	2.259.752.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	138.063.865	1.226.951.458	1.365.015.323
Khấu hao trong kỳ	28.564.937	151.068.958	179.633.895
Số dư cuối kỳ	166.628.802	1.378.020.416	1.544.649.218
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	90.455.635	804.281.042	894.736.677
Số dư cuối kỳ	61.890.698	653.212.084	715.102.782

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá là 890.257.500 VND (31/12/2020: 846.120.000VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	4.558.108.148
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	3.875.833.947
Khấu hao trong kỳ	429.016.190
Số dư cuối kỳ	4.304.850.137
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	682.274.201
Số dư cuối kỳ	253.258.011

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 417.200.000 VND (31/12/2020: 417.200.000 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí nâng cấp phần mềm Portia phục vụ cho hoạt động quản lý đầu tư của Công ty.

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>31/12/2020 VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	143.192.564	67.180.546
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	159.500.000	145.000.009
		302.692.564	212.180.555



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	152.382.320	2.335.418.578	(2.354.578.533)	133.222.365
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.696.429.424	4.991.700.620	(4.100.000.000)	2.588.130.044
Thuế khác	-	115.290.946	(115.290.946)	-
	<u>1.848.811.744</u>	<u>7.442.410.144</u>	<u>(6.569.869.479)</u>	<u>2.721.352.409</u>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	2.418.434.000	4.770.203.000
Chi phí khác	715.962.818	335.902.730
	<u>3.134.396.818</u>	<u>5.106.105.730</u>

**15. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	725.000.044	580.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	72.499.956	72.500.022
Số dư cuối kỳ	<u>797.500.000</u>	<u>652.500.022</u>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	25.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	84.748.011.656	114.748.011.656
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	18.929.633.923	18.929.633.923
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	25.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	103.677.645.579	133.677.645.579
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	25.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	55.226.705.189	85.226.705.189
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.933.628.054	11.933.628.054
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	25.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	67.160.333.243	97.160.333.243

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**17. Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2021 và 31/12/2020	
	Được duyệt và đã góp	
	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”)	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	583.284.000	576.684.000
Trong vòng hai đến năm năm	166.274.500	451.316.500
	<u>749.558.500</u>	<u>1.028.000.500</u>

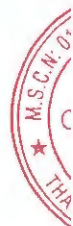
**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**19. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác liên quan đến khoản tiền gửi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ). Chi tiết các khoản tiền gửi theo các quỹ của công ty mẹ như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Quỹ sản phẩm liên kết đơn vị</b>		
Tiền gửi ngân hàng	55.751.570.413	27.050.977.972
<b>Quỹ sản phẩm liên kết chung</b>		
Tiền gửi ngân hàng	266.747.892.421	189.326.998.693
<b>Quỹ sản phẩm hưu trí tự nguyện</b>		
Tiền gửi ngân hàng	22.996.346	5.917.919
<b>Quỹ sản phẩm truyền thống</b>		
Tiền gửi ngân hàng	520.832.726.976	2.414.545.445
	<hr/>	<hr/>
	843.355.186.156	218.798.440.029



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**20. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, chi tiết theo các quỹ như sau:

	<b>30/6/2021</b>			<b>31/12/2020</b>		
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá thị trường VND (*)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá thị trường VND (*)</b>
<b>Quỹ sản phẩm liên kết đơn vị</b>						
Chứng khoán vốn niêm yết	11.275.621	458.011.218.652	575.112.307.200	5.755.703	188.815.459.855	232.579.831.600
Chứng khoán nợ	370.000	36.692.864.800	51.767.300.000	370.000	36.692.864.800	52.984.530.000
Tiền gửi có kỳ hạn		116.620.000.000	116.620.000.000		34.900.000.000	34.900.000.000
<b>Quỹ sản phẩm liên kết chung</b>						
Chứng khoán nợ	97.474.266	13.670.725.246.026	16.582.339.995.993	91.126.656	12.172.667.543.086	14.958.010.255.243
Tiền gửi có kỳ hạn		1.426.400.000.000	1.426.400.000.000		976.600.000.000	976.600.000.000
<b>Quỹ sản phẩm hưu trí tự nguyện</b>						
Chứng khoán nợ	1.150.010	126.627.350.000	164.798.200.000	1.150.010	126.627.350.000	161.188.050.000
Tiền gửi có kỳ hạn		87.500.000.000	87.500.000.000		88.820.000.000	88.820.000.000
<b>Quỹ sản phẩm truyền thống</b>						
Chứng khoán nợ	83.029.242	10.657.115.033.584	13.904.342.488.112	78.989.242	10.155.441.015.780	13.285.696.898.638
Tiền gửi có kỳ hạn		2.795.200.000.000	2.795.200.000.000		2.637.900.000.000	2.637.900.000.000
		<b>29.374.891.713.062</b>	<b>35.704.080.291.305</b>		<b>26.418.464.233.521</b>	<b>32.428.679.565.481</b>

(\*) Giá thị trường của các khoản đầu tư được xác định theo các điều khoản về xác định giá thị trường được quy định trong hợp đồng quản lý danh mục với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**21. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Phải thu cổ tức	1.219.000.000	489.315.000
Phải thu bán cổ phiếu	2.738.895.485	-
	<b>3.957.895.485</b>	<b>489.315.000</b>

**22. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	14.692.854.993	11.983.028.402
Phải trả mua cổ phiếu	13.794.991.495	5.114.120.725
	<b>28.487.846.488</b>	<b>17.097.149.127</b>

**23. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng</b>	<b>Kỳ sáu tháng</b>
	<b>kết thúc ngày</b>	<b>kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	35.898.788.695	26.698.948.278
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (i)	1.108.737.702	545.052.533
	<b>37.007.526.397</b>	<b>27.244.000.811</b>

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) và Quỹ Đầu tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày	
			30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	141.816.547.549	102.601.036.261
DFVN-FIX	Quỹ đầu tư	Số 02/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2021	63.177.145.266	-

Theo điều lệ quỹ của Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX. Phí quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX lần lượt được tính là 1,5% và 0,9% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của mỗi Quỹ trong một năm tài chính. Phí quản lý quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

#### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	3.282.520.245	2.865.318.199

#### 25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lương và các chi phí theo lương	11.202.985.610	10.297.900.831
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	2.671.208.120	2.278.758.846
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	1.564.533.970	1.454.236.615
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	608.650.085	694.488.127
Chi phí công tác, vận chuyển	258.800.913	142.993.089
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	72.499.956	72.500.022
Thuế và phí khác	21.500.000	3.000.000
Chi phí khác	59.045.260	56.667.140
	16.459.223.914	15.000.544.670



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

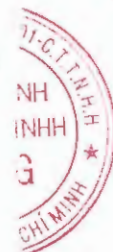
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.989.851.640	3.163.530.943
Dự phòng thiếu trong năm trước	1.848.980	-
	4.991.700.620	3.163.530.943
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(90.512.009)	(43.534.538)
	4.901.188.611	3.119.996.405

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.830.822.534	15.053.624.459
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.766.164.507	3.010.724.893
Chi phí không được khấu trừ thuế	133.175.124	109.271.512
Dự phòng thiếu trong năm trước	1.848.980	-
	4.901.188.611	3.119.996.405

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**(a) Giao dịch phát sinh trong kỳ**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	35.898.788.695	26.698.948.278
Chi phí trả hộ Công ty	14.569.754.640	11.195.075.855
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	887.444.812	545.052.533
<i>Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN – FIX") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	221.292.890	-

**(b) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	14.692.854.993	11.983.028.402
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	170.079.283	125.824.659
<i>Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN – FIX") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	46.391.403	-

**Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 19, Thuyết minh 20, Thuyết minh 21 và Thuyết minh 22.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

## **28. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

#### **(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>31/12/2020 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	2.431.253.580	1.265.723.860
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	112.500.000.000	97.200.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iv)	14.909.325.679	12.108.853.061
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	3.528.836.027	5.165.510.555
Phải thu dài hạn khác	(iv)	883.000.000	5.000.000
		<hr/>	<hr/>
		134.252.415.286	115.745.087.476

#### **(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

#### **(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.134.396.818	3.134.396.818	3.134.396.818
Phải trả ngắn hạn khác	4.080.000	4.080.000	4.080.000
	<b>3.138.476.818</b>	<b>3.138.476.818</b>	<b>3.138.476.818</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.106.105.730	5.106.105.730	5.106.105.730
Phải trả ngắn hạn khác	495.006.337	495.006.337	495.006.337
	<b>5.601.112.067</b>	<b>5.601.112.067</b>	<b>5.601.112.067</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng	2.431.253.580	1.265.723.860
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	112.500.000.000	97.200.000.000
	<hr/>	<hr/>
	114.931.253.580	98.465.723.860

**(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	112.500.000.000	112.500.000.000	97.200.000.000	97.200.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.431.253.580	2.431.253.580	1.265.723.860	1.265.723.860
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	14.909.325.679	14.909.325.679	12.108.853.061	12.108.853.061
▪ Phải thu ngắn hạn khác	3.528.836.027	3.528.836.027	5.165.510.555	5.165.510.555
▪ Phải thu dài hạn khác	883.000.000	883.000.000	5.000.000	5.000.000
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(3.134.396.818)	(3.134.396.818)	(5.106.105.730)	(5.106.105.730)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(4.080.000)	(4.080.000)	(495.006.337)	(495.006.337)

**Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**29. Các yếu tố theo thời vụ hoặc chu kỳ**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ yếu tố sau:

**(a) Tiền thưởng cho nhân viên**

Công ty đang tạm thời trích trước tiền thưởng cho nhân viên cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 dựa trên kế hoạch tài chính năm 2021 của Công ty và khoản tiền thưởng này sẽ được tính toán chính xác vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

**(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán tại thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**30. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

**31. Các khoản mục bất thường**

Không có các khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**32. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán tổng hợp  
kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc





